TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 118/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/11/2019
V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Bửu Khánh
Ông Mai Văn Thuận
- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng***: Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2019/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2019 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 130/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa :

1.Nguyên đơn: Anh Danh R, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp 8, xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh H (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1998; Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2019 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn anh Danh R trình bày: Anh và chị N trước khi lấy nhau do hai bên tự tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2017, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh H. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau rồi chị N bỏ nhà đi, anh đã tìm về sống chung được một thời gian chị N lại bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Anh thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc , hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Không có

Về tài chung, nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Danh R yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp "Ly hôn" giữa anh và chị N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Chị Nguyễn Thị Mỹ N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng chị không làm bản tự khai , không tham gia phiên tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải . Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử , quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do . Xét thấy việc vắng mặt của chị N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Mỹ N.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Danh R và chị Nguyễn Thị Mỹ N trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh H nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, vợ chồng sống chung với nhau được 02 tháng kể từ khi cưới về, sau đó chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột ở rồi không trở về chung sống với anh R kể từ tháng 3/2018 cho đến nay. Anh R đã điện thoại, rồi qua nhà cha mẹ vợ đưa về nhưng chị N không chịu về sống chung. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở bền vững lâu dài, vợ chồng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, theo anh R thì vợ chồng mới chung sống với nhau được 02 tháng thì chị N bỏ nhà đi không cho anh biết lý do, Tòa án đã tống đạt thông báo cho chị N nhưng chị N cũng không thể hiện ý kiến của mình về viêc anh R xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho anh Danh R được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ N.

{2.2} Về con chung: Không có

{2.3} Về tài sản chung: Không có.

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh R phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh R đã nộp theo biên lai thu tiền số 6366 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh R đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;khoản 01 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Danh R được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ N.

2. Về con chung: Không có

3. **Về tài sản chung, nợ chung**: Không có

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh R phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh R đã nộp theo biên lai thu tiền số 6366 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng . Anh R đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; anh R được tính kể ngày tuyên án (26/11/2019). Chị N được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp